Đối với nhân viên thu ngân, hệ thống cung cấp chức năng sau:

1. Đối với chức năng bán hàng: chia thành thanh toán hóa đơn, quản lý thẻ thành viên:
   1. Thanh toán hóa đơn: Khách hàng đến thanh toán sẽ được nhân viên sử dụng phần mềm để ấn tạo hóa đơn bán hàng :
      * Nhân viên nhập mã sản phẩm ( đầu đọc, bàn phím), số lượng sản phẩm.
      * Khi kết thúc hóa đơn, nhân viên yêu cầu hệ thống hiển thị thông tin hóa đơn
      * Hệ thống hiển thị thông tin hóa đơn, nhân viên sẽ hỏi khách hàng có đổi điểm trong thẻ tích điểm hay không
      * Nhân viên kiểm tra thông tin xong, ấn nút “Đã Thanh Toán”
      * Lưu hóa đơn vào cơ sở dữ liệu và in ra hóa đơn.
   2. Quản lý thẻ thành viên: Khách hàng đến mua hàng có thể tạo thẻ thành viên để tích điểm và sử dụng điểm:
      * Khách hàng yêu cầu tạo thẻ thành viên thì nhân viên chăm sóc khách hàng dùng phần mềm để tạo thẻ thành viên cho khách hàng
      * Khi thanh toán, nhân viên sẽ nhập mã thẻ thành viên của khách hàng và tự động cộng điểm vào điểm trong cơ sở dữ liệu thẻ thành viên của khách hàng khi khách hàng đã thanh toán: 100.000đ = 5 point.
      * Nếu khách hàng yêu cầu đổi điểm, nhân viên sẽ nhất nút đổi điểm. Nếu điểm của khách hàng nhỏ hơn 50 điểm thì hệ thống sẽ thông báo “Không đủ điểm quy đổi”, nếu điểm từ 50 điểm trở lên sẽ quy đổi điểm sang tiền mặt và trừ trực tiếp vào tổng tiền hóa đơn của hóa đơn thanh toán, sau đó điểm sẽ tự động cập nhật lại.
2. Đối với chức năng hậu mãi: Dành cho nhân viên chăm sóc khách hàng. Chức năng này phân ra thành 2 chức năng:
   1. Đổi hàng:
      * Nhân viên nhập mã hóa đơn khách hàng mang đến, hệ thống sẽ tự động kiểm tra mã hóa đơn trong cơ sở dữ liệu
      * Nếu ngày thanh toán hóa đơn chưa quá 30 ngày và có thanh toán bằng thẻ thành viên thì hệ thống sẽ hiển thị phiếu đổi, nếu không sẽ hiển thị “Không đủ điều kiện đổi hàng”.
      * Nhân viên nhập số phiếu đổi, ngày đổi, họ tên khách hàng, mã số hàng nhận, số tiền nhận, mã số hàng trả, số tiền trả, số tiền chênh lệch.
      * Nhân viên nhập thông tin xong ấn nút “Xong!!!”
      * Hệ thống lưu phiếu đổi vào cơ sở dữ liệu và in ra phiếu đổi hàng.
      * Hệ thống sẽ tự động xóa hóa đơn đã đổi hàng để đảm bảo 1 sản phẩm chỉ được đổi trả 1 lần duy nhất.
   2. Trả hàng:
      * Nhân viên nhập mã hóa đơn khách hàng mang đến, hệ thống sẽ tự động kiểm tra mã hóa đơn trong cơ sở dữ liệu
      * Nếu ngày thanh toán hóa đơn chưa quá 30 ngày và có thanh toán bằng thẻ thành viên thì hệ thống sẽ hiển thị phiếu trả, nếu không sẽ hiển thị “Không đủ điều kiện trả hàng”.
      * Nhân viên nhập ngày trả, số phiếu chi, họ tên khách, mã sản phẩm, số hóa đơn, số tiền.
      * Nhân viên nhập thông tin xong ấn nút “Xong!!!”
      * Hệ thống lưu phiếu trả vào cơ sở dữ liệu và in ra phiếu trả hàng.
      * Hệ thống sẽ tự động xóa hóa đơn đã trả hàng để đảm bảo 1 sản phẩm chỉ được đổi trả 1 lần duy nhất.
3. Chức năng quản lý tồn kho:
   1. Mỗi ngày nhân viên sẽ kiểm kê số lượng sản phẩm tồn kho và nhập vào hệ thống
   2. Nếu số lượng tồn kho nhỏ hơn số lượng tồn kho tối thiểu thì hệ thống sẽ báo “thiếu hàng” và nhân viên sẽ nhấn nút “lập phiếu nhập hàng”
   3. Sau khi nhập thông tin phiếu nhập, hệ thống sẽ gửi yêu cầu nhập hàng qua email đến công ty nhập hàng và in ra phiếu nhập hàng
   4. Khi hàng được giao đến, nhân viên cập nhật lại số lượng, nhập thông tin lô hàng nhập và lưu vào trong phiếu nhập hàng trong hệ thống

BT4: vt đặc tả cho all use case quản lý siu thị

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Thanh toán hóa đơn |
| Tác nhân chính | Nhân viên thu ngân |
| Mục đích | Quản lý thông tin thanh toán của khách hàng |
| Mức độ ưu tiên | 1 |
| Điều kiện kích hoạt | Nhân viên nhấn nút tạo hóa đơn |
| Điều kiện tiên quyết | Khách hàng mua ít nhất từ 1 sản phẩm trở lên |
| Điều kiện thành công | Hóa đơn được in ra sau khi thanh toán hoàn tất |
| Điều kiện thất bại | Nhân viên ấn nút hủy tạo hóa đơn |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhân viên nhập thủ công sản phẩm hoặc dùng máy quét mã trên sản phẩm để thêm vào hóa đơn 2. Nhân viên nhập số lượng sản phẩm 3. Nhập tích lũy hoặc đổi điểm tích lũy theo yêu cầu khách hàng 4. Hệ thống tự động tính toán tổng tiền và hiển thị lên màn hình 5. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, nhân viên nhập số tiền nhận, hệ thống hiển thị tiền thừa 6. Cộng điểm tích lũy vào thẻ tích điểm của khách hàng |
| Luồng sự kiện thay thế | 4a1. Khách hàng yêu cầu thanh toán bằng chuyển khoản, nhân viên chọn xuất mã QR  4a2. Hệ thống xác nhận thanh toán thành công |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | 2a1 Nhân viên nhập sai sản phẩm hoặc số lượng  2a2 Nhân viên chọn hủy hóa đơn  2a3 Nhân viên xóa sản phẩm và nhập lại  3a1 Khách hàng chưa có thẻ thành viên  3a2 Điểm trong thẻ không đủ quy đổi  5a1 Nhân viên nhập sai số tiền nhận  5a2 Nhân viên chọn hủy hóa đơn  5a3 Nhân viên xóa số tiền nhận và nhập lại |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Tạo thẻ thành viên |
| Tác nhân chính | Nhân viên chăm sóc khách hàng |
| Mục đích | Tạo thẻ thành viên cho khách hàng |
| Mức độ ưu tiên | 2 |
| Điều kiện kích hoạt | Nhân viên chọn nút tạo thẻ thành viên khách hàng |
| Điều kiện tiên quyết | Khách hàng có nhu cầu làm thẻ thành viên |
| Điều kiện thành công | Hệ thống hiển thị thao tác hoàn tất |
| Điều kiện thất bại | Nhân viên nhấn hủy tạo thẻ thành viên |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhân viên nhập thông tin khách hàng vào hệ thống 2. Hệ thống tạo mã QR lưu lại thông tin khách hàng và điểm tích lũy ban đầu = 0 3. Nhân viên nhấn nút tạo thẻ thành viên và hệ thống bắt đầu in thẻ |
| Luồng sự kiện thay thế | 1. Hệ thống cung cấp mã QR tạm thời thay thế thẻ thành viên cho khách hàng trong thời gian đợi thẻ vật lý |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | 1a1 Nhân viên nhập sai thông tin khách hàng  1a2 Nhân viên chọn hủy hoặc nhập lại thông tin |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Đổi hàng |
| Tác nhân chính | Nhân viên chăm sóc khách hàng |
| Mục đích | Hỗ trợ khách hàng có nhu cầu đổi hàng |
| Mức độ ưu tiên | 2 |
| Điều kiện kích hoạt | Nhân viên chọn nút tạo form đổi hàng |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Khách hàng phải mang hóa đơn khi đổi hàng 2. Ngày thanh toán hóa đơn chưa quá 30 ngày 3. Khách hàng thanh toán khi đó đã có thẻ thành viên |
| Điều kiện thành công | Hệ thống hiển thị thao tác hoàn tất |
| Điều kiện thất bại | Hệ thống hiển thị không đủ điều kiện đổi hàng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhân viên nhập mã hóa đơn khách mang đến 2. Hệ thống kiểm tra mã hóa đơn trong cơ sở dữ liệu 3. Nếu đủ điều kiện đồi hàng thì hệ thống sẽ thông báo đủ điều kiện đổi hàng và xuất hiện phiếu đổi 4. Nhân viên nhập thông tin phiếu đổi và nhấn nút xong 5. Hệ thống lưu phiếu đổi và in ra phiếu đổi 6. Hệ thống sẽ tự động xóa đơn hàng để đảm bảo 1 sản phẩm chỉ được đổi 1 lần duy nhất |
| Luồng sự kiện thay thế | Không có |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | 1a1 Khách hàng không mang hóa đơn  2a1 Không tra được mã hóa đơn trong cơ sở dữ liệu  3a1 Hệ thống hiển thị không đủ điều kiện đổi hàng |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên usecase | Trả hàng |
| Tác nhân chính | Nhân viên chăm sóc khách hàng |
| Mục đích | Hỗ trợ khách hàng có nhu cầu trả hàng |
| Mức độ ưu tiên | 2 |
| Điều kiện kích hoạt | Nhân viên chọn nút tạo form trả hàng |
| Điều kiện tiên quyết | 1. Khách hàng phải mang hóa đơn khi trả hàng 2. Ngày thanh toán hóa đơn chưa quá 30 ngày 3. Khách hàng thanh toán khi đó đã có thẻ thành viên |
| Điều kiện thành công | Hệ thống hiển thị thao tác hoàn tất |
| Điều kiện thất bại | Hệ thống hiển thị không đủ điều kiện trả hàng |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhân viên nhập mã hóa đơn khách mang đến 2. Hệ thống kiểm tra mã hóa đơn trong cơ sở dữ liệu 3. Nếu đủ điều kiện trả hàng thì hệ thống sẽ thông báo đủ điều kiện trả hàng và xuất hiện phiếu trả 4. Nhân viên nhập thông tin phiếu trả và nhấn nút xong 5. Hệ thống lưu phiếu trả và in ra phiếu trả 6. Hệ thống sẽ tự động xóa đơn hàng để đảm bảo 1 sản phẩm chỉ được trả 1 lần duy nhất |
| Luồng sự kiện thay thế | Không có |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | 1a1 Khách hàng không mang hóa đơn  2a1 Không tra được mã hóa đơn trong cơ sở dữ liệu  3a1 Hệ thống hiển thị không đủ điều kiện trả hàng |